

Bản án số: 06/2019/KDTM-PT
Ngày 17/6/2019.
V/v: *Tranh chấp hợp đồng tín dụng.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THANH HÓA

Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Thắng.

Các Thẩm phán: Bà Hoàng Lan Phương.

Bà Lê Thu Hương.

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị Thu Hà - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa:

Bà Hoàng Phương Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 17 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Thanh Hóa xét xử phúc thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số 08/2019/TLPT-KDTM ngày 01 tháng 4 năm 2019 về “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”.

Do Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2019/KDTM-ST ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 10/2019/QĐ-PT ngày 22 tháng 5 năm 2019 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Công ty T.

Địa chỉ: Số 22 V, phường T, quận H, thành phố Hà Nội.

Đại diện ủy quyền khởi kiện: Ngân hàng Đ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Đình L, Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền: Ông Lê Minh G, Chuyên viên Khối QL&TCTTS-Ngân hàng Đ (Theo giấy ủy quyền số 618/UQ-PVB ngày 19/01/2018). Có mặt.

2. *Bị đơn:* Công ty Cổ phần V.

Địa chỉ: Số 82 T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa (theo đơn khởi kiện).

Địa chỉ hiện nay: Lô B7-4 Khu công nghiệp T, phường Đ, thành phố T, tỉnh Thanh Hóa.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Xuân T, Tổng giám đốc. Có mặt.

3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Ông Cao Văn B và bà Trịnh Thị H.

Địa chỉ: Số 102 Khu 2, Thị trấn V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa.

(Ông Cao Văn B và bà Trịnh Thị H ủy quyền cho ông Nguyễn Xuân T tham gia tố tụng, theo Giấy ủy quyền ngày 11/7/2018). Có mặt.

- Công ty Cổ phần xi măng P.

Địa chỉ: Xã P, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Người đại diện theo pháp luật: Ông Nguyễn Hữu L, Chủ tịch Hội đồng quản trị. Vắng mặt.

Người kháng cáo: Bị đơn Công ty Cổ phần V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

* Theo đơn khởi kiện, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án của nguyên đơn trình bày: Tổng công ty T (nay là Ngân hàng Đ, sau đây gọi tắt là Ngân hàng Đ) và Công ty Cổ phần V (sau đây gọi tắt là Công ty V) có ký kết các hợp đồng tín dụng như sau:

- Hợp đồng tín dụng trung hạn số 002/HĐTD/08 ngày 16/5/2008. Số tiền vay 6.700.000.000 đồng. Mục đích vay: đầu tư dự án. Thời hạn vay tối đa 60 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay 06 tháng/kỳ. Lãi suất cho vay trong 06 tháng đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên bằng lãi suất cho vay xác định tại khế ước nhận nợ. Lãi suất nợ quá hạn = 150% lãi suất cho vay trong hạn đối với phần nợ đến hạn nhưng chưa được trả nợ; = 100% lãi suất cho vay trong hạn đối với số dư nợ chưa đến hạn nhưng phải chuyển thành nợ quá hạn.

Ngày 27/5/2008, hai bên ký Phụ lục số 01 (hợp đồng ghi sai là ngày 25/5/2007), sửa đổi điều khoản về lãi suất cho vay trong hạn tại khoản 6.1 của điều 6 của hợp đồng tín dụng. Cụ thể: Kỳ áp dụng lãi suất là 03 tháng/kỳ. Lãi suất cho vay trong 03 tháng đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên bằng lãi suất xác định tại khế ước nhận nợ; sau đó lãi suất cho vay được xác định là lãi suất thả nổi được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần; xác định bằng lãi suất ủy thác quản lý vốn (loại 12 tháng, trả lãi sau) của Tổng công ty T = 4,8%/năm nhưng không thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu của PVFC tại mỗi kỳ tính lãi.

Ngày 10/7/2008, hai bên ký kết Phụ lục 02 sửa đổi điều khoản quy định về lãi suất cho vay. Lãi suất cho khoản dư nợ gốc hiện tại được áp dụng là 1,75%/tháng kể từ thời điểm Phụ lục này có hiệu lực, sau đó được điều chỉnh lãi suất 03 tháng một lần. Lãi suất điều chỉnh được xác định bằng lãi suất huy động vốn cá nhân 12 tháng bằng VNĐ của PVFC (loại trả lãi cuối kỳ) cộng với 0,5%/tháng (Margin bằng 0,5%/tháng).

Ngày 11/9/2008 các bên ký khế ước nhận nợ số 002-2/KUNN/08 với số tiền dư nợ là 6.700.000.000 đồng, thời hạn cho vay tối đa 60 tháng kể từ ngày 30/5/2008; lãi suất cho vay: 1,75%/tháng, điều chỉnh 03 tháng 1 lần; lãi suất nợ quá hạn = 150% lãi suất nợ trong hạn; lãi vay trả vào ngày 25 tháng cuối kỳ tính lãi; kỳ tính lãi được xác định 03 tháng 1 lần kể từ ngày ký khế ước nhận nợ này, tính lãi kỳ cuối cùng chậm nhất là 30/5/2013. Ngày 15/11/2010, các bên đã cơ cấu lại lịch trả nợ gốc.

- Hợp đồng tín dụng trung, dài hạn số 014/HĐTD/PVFCTH ngày 12/5/2009. Số tiền vay 16.900.000.000 đồng. Mục đích vay: thực hiện dự án đầu tư nâng cao năng lực sản xuất kinh doanh, cụ thể là đầu tư các máy móc thiết bị, phương tiện (có danh mục kèm theo). Thời hạn vay: tối đa 60 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Kỳ trả nợ được tính là 03 tháng một lần và toàn bộ nợ gốc được trả trong 20 kỳ. Lãi suất cho vay 06 tháng/kỳ. Lãi suất cho vay trong 06 tháng đầu kể từ ngày giải ngân đầu tiên bằng lãi suất cho vay xác định tại khế ước nhận nợ. Lãi suất nợ quá hạn = 150% lãi suất cho vay trong hạn đối với phần nợ đến hạn nhưng chưa được trả nợ; = 100% lãi suất cho vay trong hạn đối với số dư nợ chưa đến hạn nhưng phải chuyển thành nợ quá hạn.

Các bên đã tiến hành ký kết các khế ước nhận nợ số 014-1/KUNN/09 ngày 15/5/2009, số 014-2/KUNN/09 ngày 15/5/2009, số 014-3/KUNN/09 ngày 30/7/2009, số 014-4/KUNN/09 ngày 24/11/2009. Ngày 15/11/2010 các bên cơ cấu lại lịch trả nợ gốc.

- Hợp đồng tín dụng số 071/HĐTD-VAVINA/PVFCTH ngày 02/8/2010 với số tiền vay 2.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn thi công công trình “đường nội bộ, thoát nước mưa, nước thải - dự án khu biệt thự vườn Mậu Lâm - Đàm Vạc” theo hợp đồng giao nhận thầu xây lắp số 08/HĐXD ký giữa Công ty C và Công ty V ngày 05/4/2010. Thời hạn vay 12 tháng, kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất cho vay trong hạn của kỳ tính lãi đầu tiên được xác định là lãi suất cho vay ngắn hạn do bên cho vay công bố tại thời điểm bên vay rút vốn và được ghi cụ thể trên từng khế ước số 071-2/KUNN/10, 071-3/ KUNN/10, lãi suất cho vay là 16%/năm và 22%/năm.

Để đảm bảo cho khoản nợ trên, các bên đã ký kết các Hợp đồng thế chấp sau:

- Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai từ vốn vay và vốn tự có số 002/HĐTC ngày 16/5/2008. Tài sản thế chấp gồm: 10 xe tải 25 tấn tự đổ hiệu Dong Feng do Trung Quốc sản xuất được mua của Công ty TNHH cơ khí Thành Công theo hợp đồng mua bán số 04-05/HĐMB/2008 ký ngày 06/5/2008 và hợp đồng mua bán số 05-05/HĐMB/2008 ký ngày 08/5/2008.

Ngày 08/9/2008, các bên ký kết phụ lục số 01, tài sản thế chấp là 09 xe ô tô tải tự đổ (05 xe ô tô tải tự đổ Dongfeng DFL 3251A mới 100%, 04 xe ô tô tải FAW thùng lật mới 100%) và 01 máy xúc đào.

Ngày 31/12/2008 các bên ký phụ lục số 02, tài sản thế chấp là 10 xe ô tô tải: Xe ô tô tải ben, màu trắng, ghi hiệu FAW-Trung Quốc, biển số 36M-6608 theo giấy đăng ký xe ô tô số 003833 do Công an Thanh Hóa cấp ngày 23/9/2008, số khung XNN88AD01502, số máy 2L3201431852; xe ô tô tải ben, màu trắng, ghi hiệu FAW-Trung Quốc, biển số 36M-6797 theo giấy đăng ký xe ô tô số 003807 do Công an Thanh Hóa cấp ngày 19/9/2008, số khung XNN18AD01504, số máy 2L3201431853; xe ô tô tải ben, màu trắng, ghi hiệu FAW-Trung Quốc, biển số 36M-6566 theo giấy đăng ký xe ô tô số 003805 do Công an Thanh Hóa cấp ngày 19/9/2008, số khung XNN28AD01446, số máy 2L3201430258; xe ô tô tải ben, màu trắng, ghi hiệu FAW-Trung Quốc, biển số 36M-6562 theo giấy đăng ký xe ô tô số 003834 do Công an Thanh Hóa cấp ngày 23/9/2008, số khung XNN98AD01492, số máy 2L3201431858; máy đào bánh lốp, màu vàng hiệu Huyndai, biển số 36LA-0097, theo giấy đăng ký xe máy chuyên dùng số 025/08 do Sở GTVT Thanh Hóa cấp ngày 18/9/2008, số khung EM 03GE10017, số máy 031484; xe ô tô tải ben, màu vàng, hiệu Dongfeng-Trung Quốc, biển số 36M-6016 theo giấy đăng ký xe ô tô số 002785 do Công an Thanh Hóa cấp ngày 13/6/2008, số khung MDP483001230, số máy 002069896770; xe ô tô tải ben, màu vàng, hiệu Dongfeng-Trung Quốc, biển số 36M-6033 theo giấy đăng ký xe ô tô số 002788 do Công an Thanh Hóa cấp ngày 13/6/2008, số khung MDP883018273, số máy 002069913639; xe ô tô tải ben, màu vàng, hiệu Dongfeng-Trung Quốc, biển số 36M-6036 theo giấy đăng ký xe ô tô số 002787 do Công an Thanh Hóa cấp ngày 13/6/2008, số khung MDP483001244, số máy 002069896774; xe ô tô tải ben, màu vàng, hiệu Dongfeng-Trung Quốc, biển số 36M-6047 theo giấy đăng ký xe ô tô số 002790 do Công an Thanh Hóa cấp ngày 13/6/2008, số khung MDP083001242, số máy 002069896763; xe ô tô tải ben, màu vàng, hiệu Dongfeng-Trung Quốc, biển số 36M-6152 theo giấy đăng ký xe ô tô số 002789 do Công an Thanh Hóa cấp ngày 13/6/2008, số khung MDP383001249, số máy 002069897075.

- Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai từ vốn vay và vốn tự có số 014/HĐTC ngày 11/5/2009 gồm: 16 xe tải ô tô Faw thùng lật 20 tấn, 01 máy xúc Hitachi ex

400, 02 máy xúc PC 200, 01 máy xúc Hitachi ex 300, 02 máy lu rung Liugon Model CLG614, 03 máy ủi Komatsu Dh 16, 01 xe ô tô tải Faw thùng gắn thiết bị nâng sàn chuyên chở máy công trình 16 tấn, 01 xe máy gạt Liugon Model CLG418, động cơ 6CTA-C215, 01 xe điều hành Toyota Fortuner 2.5 số sàn, máy dầu, 03 dây chuyền nghiền đá Bazan LD VN - TQ model TNTH 350, công suất nghiền 20-25t/h.

Ngày 01/3/2010, các bên ký Phụ lục hợp đồng số 01/PLHĐTC-014/HĐTC, điều chỉnh tài sản thế chấp hình thành trong tương lai gồm: 17 xe ô tô tải nhãn hiệu Faw, 03 xe ô tô đầu kéo nhãn hiệu Faw, 05 xe somi romooc tải nhãn hiệu Faw, 01 máy đào bánh lốp nhãn hiệu Hitachi EX 400, 01 máy đào bánh lốp nhãn hiệu Hitachi EX 220, 02 máy lu rung nhãn hiệu Liugong, 03 máy ủi nhãn hiệu Komatsu, 01 máy ủi nhãn hiệu Caterpila, 01 máy xúc lật nhãn hiệu Kawasaki, 02 dây chuyền đá Bazan.

Ngày 05 tháng 5 năm 2010 các bên ký Phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐTC-014/HĐTC điều chỉnh tài sản thế chấp hình thành trong tương lai gồm có: Xe ô tô tải ben FAW, biển số 36M-9988, số khung XNN99AD50404, số máy 2L3201444269; xe ô tô tải ben FAW, biển số 36M-9743, số khung XNN99AD50409, số máy 2L3201445237; xe ô tô tải ben FAW, biển số 36M-9210, số khung XNN79AD50403, số máy 2L3201444267; xe ô tô tải ben FAW, biển số 36M-9335, số khung XNN09AD50405, số máy 2L3201445232; xe ô tô tải ben FAW, biển số 36M-9081, số khung XNN29AD50406, số máy 2L3201445144; xe ô tô tải ben FAW, biển số 36M-9251, số khung XNN49AD50407, số máy 2L3201445226; máy đào bánh lốp Hitachi ex 400, biển số 36XA 0071, số khung 164-3134, số máy 6RB1- 507091; máy ủi Komatsu D50A, biển số 36XA 0064, số khung D50S18-65250, số máy 4D130-1-12855; Lu rung Liugong CLG 614, biển số 36SA 0038, số khung 30X001809050, số máy D409010709; Lu rung Liugong CLG 614, biển số 36SA 0057, số khung 30X00180904, số máy B409010704; máy ủi bánh xích Komatsu D53A-18, biển số 36XA 0070, số khung D50-18183012, số máy 6D125-30068; máy ủi bánh xích Caterpillar, biển số 36XA 0092, số khung 3AC00810, số máy 45V88632; xe ô tô đầu kéo FAW, biển số 36N2694, số khung LFWSRXPJX881F01558, số máy CA6DL2-35*51268070*; xe ô tô đầu kéo FAW, số khung LFWSRXPJX81E00473, số máy CA6DL2-35*51268046*; xe ô tô đầu kéo FAW, số khung LFWSRXPJX881F01351, số máy CA6DL2-35*51268051*; xe ô tô tải ben FAW, biển số 36N-2254, số khung AD16879, số máy G038862*; xe ô tô tải ben FAW, biển số 36N-2006, số khung AD09678, số máy L678183*; xe ô tô đầu kéo FAW, số khung AD16880, số máy G038850*; xe ô tô đầu kéo FAW, số khung AD16906, số máy G038857*; xe ô tô đầu kéo FAW, số khung AD16881, số máy G038861*; somi romooc tải 40 feet, 3 trục, dạng sàn phẳng, biển số 36R0127, số khung RR2ENGXTZ9VB 07012; somi romooc tải 40 feet, 3 trục, dạng sàn phẳng, số khung

RR2ENGXTZ9VB 07008; somi romooc tải 40 feet, 3 trục, dạng sàn phẳng, số khung
RR2ENGXTZ9VB 07011; somi romooc tải 40 feet, 3 trục, dạng sàn phẳng, số khung
RR2ENGXTZ9VB 07014; somi romooc tải 40 feet, 3 trục, dạng sàn phẳng, số khung
RR2ENGXTZ9VB 07015; máy ủi bánh xích hiệu Komatsu D50A-16, số khung D50S16-
65968; máy ủi lật bánh lốp Kawasaki, số khung KLD50Z0175; máy đào bánh xích Hitachi EX
220, số khung E X9901536694, số máy H060TB25804; 02 bộ dàn máy nghiền đá.

- Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai từ vốn vay và vốn tự có số 071-
2011/HĐTC/PVFCTH ngày 17/5/2011. Tài sản thế chấp gồm: Toàn bộ các quyền, quyền lợi,
quyền tài sản và các lợi ích phát sinh từ chủ quyền và quyền khai thác mỏ tại xã T, huyện N,
tỉnh Thanh Hóa (sau đây gọi là quyền khai thác mỏ); toàn bộ các tài sản, công trình gắn liền
với mỏ và quyền khai thác mỏ, không giới hạn bởi các công trình xây dựng, các máy móc
thiết bị và các tài sản gắn liền với quyền khai thác mỏ khác để duy trì hoạt động hàng ngày
của công trình mỏ và quyền khai thác mỏ; hợp đồng bảo hiểm phát sinh từ hoặc liên quan đến
quyền khai thác mỏ và toàn bộ quyền, quyền lợi và lợi ích của bên thế chấp phát sinh từ hoặc
liên quan đến các Hợp đồng bảo hiểm; tất cả các quyền, quyền lợi quyền tài sản, lợi ích và các
khoản bồi hoàn và bất kỳ khoản thanh toán khác gắn liền hoặc phát sinh từ Quyền khai thác
mỏ, quyền sử dụng đất và các tài sản gắn liền với Quyền khai thác mỏ hoặc từ các tài liệu và
hợp đồng khác liên quan đến các tài sản này, kể cả các quyền, quyền lợi, quyền tài sản, lợi
ích, các khoản bồi hoàn và bất kỳ khoản thanh toán khác mà bên thế chấp nhận được hoặc sẽ
nhận được để thay thế cho, thuộc về hoặc liên quan đến bất kỳ quyền và tài sản, công trình
nào được nêu tại các điểm trên. Tài sản thế chấp được phê duyệt và hình thành theo và gắn
liền với tài liệu là Quyết định số 3299/QĐ-UBND ngày 01/11/2007 của Ủy ban nhân dân tỉnh
Thanh Hóa về việc cấp phép khai thác khoáng sản và cho thuê đất tại xã T, huyện N, tỉnh
Thanh Hóa cho Công ty Cổ phần V.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số
01/2012/HĐTC/PVFCTH ngày 01/10/2012. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất (67m²) tại
thửa đất số 207, tờ bản đồ số 05 và tài sản gắn liền trên đất tại thị trấn V, huyện V, tỉnh Thanh
Hóa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 700067 do Ủy ban nhân dân huyện Vĩnh
Lộc cấp ngày 31/12/2001 mang tên ông Cao Văn B.

- Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 01/HDTCCQDN-PVFCTH-VVN ngày
16/01/2013. Tài sản thế chấp là quyền đòi nợ; toàn bộ quyền, quyền lợi và lợi ích của bên thế
chấp phát sinh và hoặc gắn liền với quyền đòi nợ; mọi quyền, quyền lợi và lợi ích của bên thế
chấp theo mỗi tài liệu giao dịch, bao gồm nhưng không giới hạn bởi quyền nhận bất kỳ khoản
tiền nào theo các tài liệu giao dịch và mọi quyền, quyền lợi và lợi ích của bên thế chấp đối với

tài khoản bao gồm nhưng không giới hạn ở các quyền được rút hoặc nhận tiền từ tài khoản đó và toàn bộ tiền lãi phát sinh trên đó. Quyền đòi nợ có nghĩa là bất kỳ khoản phải thu hay quyền đòi nợ nào của bên thế chấp phát sinh theo các tài liệu giao dịch với điều kiện không thấp hơn 63.931.748.306 đồng bao gồm và không giới hạn bởi: các khoản phải thu từ việc thanh toán giá trị khối lượng xây lắp hoàn thành với Công ty cổ phần xi măng P theo hợp đồng kinh tế số 03XMPS-VAVINA/HĐKT ký ngày 03/01/2012 và bất kỳ hợp đồng, văn bản sửa đổi, bổ sung hợp đồng kinh tế này và bất kỳ hợp đồng, văn bản là một bộ phận không thể tách rời của hợp đồng kinh tế này; bất kỳ khoản phải thu hay quyền đòi nợ nào của bên thế chấp đã có hoặc được xác lập sau khi ký hợp đồng này theo các tài liệu giao dịch.

Ngân hàng đã 09 lần giải ngân cho Công ty V, với tổng số tiền là 27.600.000.000 đồng, thể hiện tại 09 khế ước nhận nợ. Quá trình thực hiện hợp đồng, hai bên đã thỏa thuận xử lý các tài sản thế chấp để thu hồi nợ, cụ thể:

- Theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai từ vốn vay và vốn tự có số 002/HĐTC ngày 15/5/2008 và các phụ lục hợp đồng, gồm có 10 tài sản, đã xử lý 07 tài sản gồm: Xe ô tô tải ben, màu trắng, ghi hiệu FAW-Trung Quốc, biển số 36M-6608 theo giấy đăng ký xe ô tô số 003833 do Công an Thanh Hóa cấp ngày 23/9/2008, số khung XNN88AD01502, số máy 2L3201431852; xe ô tô tải ben, màu trắng, ghi hiệu FAW-Trung Quốc, biển số 36M-6797 theo giấy đăng ký xe ô tô số 003807 do Công an Thanh Hóa cấp ngày 19/9/2008, số khung XNN18AD01504, số máy 2L3201431853; xe ô tô tải ben, màu trắng, ghi hiệu FAW-Trung Quốc, biển số 36M-6566 theo giấy đăng ký xe ô tô số 003805 do Công an Thanh Hóa cấp ngày 19/9/2008, số khung XNN28AD01446, số máy 2L3201430258; xe ô tô tải ben, màu trắng, ghi hiệu FAW-Trung Quốc, biển số 36M-6562 theo giấy đăng ký xe ô tô số 003834 do Công an Thanh Hóa cấp ngày 23/9/2008, số khung XNN98AD01492, số máy 2L3201431858; xe ô tô tải ben, màu vàng, hiệu Dongfeng-Trung Quốc, biển số 36M-6016 theo giấy đăng ký xe ô tô số 002785 do Công an Thanh Hóa cấp ngày 13/6/2008, số khung MDP483001230, số máy 002069896770; xe ô tô tải ben, màu vàng, hiệu Dongfeng-Trung Quốc, biển số 36M-6033 theo giấy đăng ký xe ô tô số 002788 do Công an Thanh Hóa cấp ngày 13/6/2008, số khung MDP883018273, số máy 002069913639; xe ô tô tải ben, màu vàng, hiệu Dongfeng-Trung Quốc, biển số 36M-6036 theo giấy đăng ký xe ô tô số 002787 do Công an Thanh Hóa cấp ngày 13/6/2008, số khung MDP483001244, số máy 002069896774.

- Theo hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai từ vốn vay và vốn tự có số 014/HĐTC ngày 11/5/2009 và các phụ lục hợp đồng, gồm có 30 tài sản, đã xử lý 21 tài sản gồm: Xe ô tô tải ben FAW, biển số 36M-9988, số khung XNN99AD50404, số máy 2L3201444269; xe ô tô tải ben FAW, biển số 36M-9743, số khung XNN99AD50409, số máy 2L3201445237; xe

ô tô tải ben FAW, biển số 36M-9210, số khung XNN79AD50403, số máy 2L3201444267; xe ô tô tải ben FAW, biển số 36M-9081, số khung XNN29AD50406, số máy 2L3201445144; xe ô tô tải ben FAW, biển số 36M-9251, số khung XNN49AD50407, số máy 2L3201445226; xe ô tô đầu kéo FAW, biển số 36N2694, số khung LFWSRXPJX881F01558, số máy CA6DL2-35*51268070*; xe ô tô đầu kéo FAW, biển số 36N-2694, số khung LFWSRXPJX881F01558, số máy CA6DL2-35*51268070*; máy đào bánh lốp Hitachi ex 400, biển số 36XA 0071, số khung 164-3134, số máy 6RB1- 507091; máy ủi bánh xích Komatsu D53A-18, biển số 36XA 0070, số khung D50-18183012, số máy 6D125-30068; máy ủi lật bánh lốp Kawasaki, số khung KLD50Z0175; máy đào bánh xích Hitachi EX 220, số khung E X9901536694, số máy H060TB25804; Somi romooc tải 40 feet, 3 trục, dạng sàn phẳng, số khung RR2ENGXTZ9VB 07008; somi romooc tải 40 feet, 3 trục, dạng sàn phẳng, số khung RR2ENGXTZ9VB 07011; somi romooc tải 40 feet, 3 trục, dạng sàn phẳng, số khung RR2ENGXTZ9VB 07014; somi romooc tải 40 feet, 3 trục, dạng sàn phẳng, số khung RR2ENGXTZ9VB 07015; xe ô tô đầu kéo FAW, số khung AD16880, số máy G038850*; xe ô tô đầu kéo FAW, số khung AD16906, số máy G038857*; xe ô tô đầu kéo FAW, số khung AD16881, số máy G038861*; xe ô tô đầu kéo FAW, số khung LFWSRXPJX81E00473, số máy CA6DL2-35*51268046*; xe ô tô đầu kéo FAW, số khung LFWSRXPJX881F01351, số máy CA6DL2-35*51268051*.

Công ty V đã thanh toán 14.499.088.457 đồng tiền gốc và 4.534.676.379 đồng tiền lãi. Số tiền nợ gốc và lãi còn lại đã quá thời hạn thanh toán. Vì vậy, Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết buộc Công ty V phải thanh toán cho Ngân hàng số tiền gốc 13.100.911.543 đồng, nợ lãi 30.977.167.464 đồng (lãi trong hạn 21.074.797.911 đồng, lãi quá hạn 9.902.369.553 đồng), bổ sung lãi phạt chậm trả 1.548.858.373 đồng. Tổng nợ gốc và lãi 45.627.119.380 đồng. Đề nghị xử lý tài sản thế chấp còn lại theo quy định.

Nguyên đơn bổ sung yêu cầu khởi kiện buộc Công ty Cổ phần V phải thanh toán số tiền lãi phạt chậm trả là 1.548.858.373 đồng.

* Bị đơn Công ty V trình bày: Công ty thừa nhận việc ký kết với nguyên đơn về các Hợp đồng tín dụng và các Hợp đồng thế chấp như nguyên đơn trình bày. Số tiền Công ty vay là 27.600.000.000 đồng, phía Công ty đã 19.035.667.819 đồng, trong đó gốc là 14.500.991.440 đồng, lãi là 4. 534.673.379 đồng. Số nợ gốc còn lại là 13.099.008.560 đồng. Về tài sản thế chấp, Công ty đồng ý với lời trình bày của nguyên đơn. Tuy nhiên, Công ty V không đồng ý về các nội dung sau:

- Việc tính lãi (gồm lãi trong hạn, quá hạn, lãi phạt) quá cao so với quy định của pháp luật. Về lãi suất cho vay có giai đoạn Ngân hàng đã thu vượt trần quy định, có khế ước tính 23%/năm đến 24%/ năm, có lúc lên đến 28,5%/năm, trong khi theo quy định của pháp luật

chỉ tương ứng từ 10,5% đến 13,5%/năm, đối với lãi quá hạn, do lãi suất trong hạn tính không đúng nên lãi quá hạn tính sai, có thể ước lên đến 38,25%, vi phạm quy định của pháp luật.

- Việc Ngân hàng thu giữ tài sản của Công ty nhưng vẫn tính lãi vay, lãi quá hạn, lãi phạt là không đúng vì tài sản thế chấp bị Ngân hàng thu giữ thì đơn vị không có công cụ để sản xuất, Ngân hàng là bên nhận thế chấp đã gây cản trở cho bên thế chấp khai thác tài sản.

- Việc bán tài sản có nhiều khuất tất, Ngân hàng bán xe ô tô giá thấp hơn giá sắt thép phế liệu tại thời điểm đã gây thiệt hại cho người vay vốn. Phía Công ty không được tham gia giới thiệu khách hàng mua với giá cao, không biết tài sản đã bán cho ai, phía Công ty cũng chưa có văn bản ủy quyền cho Ngân hàng bán tài sản nên việc Ngân hàng bán tài sản thế chấp là không đúng. Tài sản bị hư hỏng do Ngân hàng không bảo quản khi thu giữ, để nằm tại bãi trong thời gian dài không hoạt động nên tài sản xuống cấp trầm trọng, hao mòn gây thiệt hại cho Công ty. Bên cạnh đó, chi phí trông coi, bảo vệ trong việc thu giữ tài sản đều do Công ty chi trả làm thiệt hại cho Công ty.

- Việc Ngân hàng không cấp bản sao gia hạn giấy phép hoạt động của xe, phương tiện máy móc, thiết bị là vi phạm nghĩa vụ của bên nhận thế chấp, Công ty V không thể đăng kiểm xe để lưu hành theo quy định của pháp luật dẫn đến các xe không thể hoạt động, Công ty không có nguồn thu, không có tiền trả lương cho lái xe, trả tiền vay Ngân hàng làm tổn thất nặng nề cho Công ty, vi phạm khoản 2 Điều 325 Bộ luật Dân sự năm 2005.

Ngày 27/11/2018 Công ty V yêu cầu nguyên đơn phải bồi thường thiệt hại cho Công ty số tiền 37.879.920.000 đồng đối trừ vào số nợ cho Công ty.

* Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (Ông Cao Văn B và bà Trịnh Thị H, người đại diện là ông Nguyễn Xuân T): Đồng ý về việc ký kết Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 01/2012/HĐTC/PVFCTH ngày 01/10/2012. Tài sản thế chấp là quyền sử dụng đất (67m²) tại thửa đất số 207, tờ bản đồ số 05 và tài sản gắn liền trên đất tại thị trấn V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 700067 do Ủy ban nhân dân huyện V cấp ngày 31/12/2001 mang tên ông Cao Văn B. Đề nghị được tách riêng tài sản này ra để thực hiện nghĩa vụ.

Tại Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2019/KDTM-ST ngày 21 tháng 01 năm 2019 và Thông báo sửa chữa, bổ sung bản án số 01/TB-TA ngày 25 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa đã Quyết định:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147, khoản 3 Điều 200, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự. Điều 342, Điều 343, Điều 355, Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91,

Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng. Điều 6, khoản 2, khoản 4 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14; Điều 3 Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 và Điều 4 Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm.

1. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của Công ty T.

Buộc Công ty Cổ phần V trả cho Công ty T khoản tiền vay còn nợ tính đến ngày xét xử (21/01/2019) gồm: nợ gốc 13.093.107.314 đồng, nợ lãi 14.958.656.002 đồng (lãi trong hạn 2.254.340.000 đồng, lãi quá hạn 12.704.316.002 đồng). Tổng nợ gốc và lãi là: 28.051.763.307 đồng (Hai mươi tám tỷ không trăm năm một triệu bảy trăm sáu ba ngàn ba trăm lẻ bảy đồng).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty Cổ phần V không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền nợ trên thì Công ty T có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để đảm bảo thu hồi nợ là:

- Quyền sử dụng đất (67m²) tại thửa đất số 207, tờ bản đồ số 05 và tài sản gắn liền trên đất tại thị trấn V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 700067 do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 31/12/2001 mang tên ông Cao Văn B, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 01/2012/HĐTC/PVFCTH ngày 01/10/2012.

- Các tài sản gồm: Máy đào bánh lốp, màu vàng, hiệu Hyundai, biển số 36LA-0097, theo giấy đăng ký xe máy chuyên dùng số 025/08 do Sở GTVT Thanh Hóa cấp ngày 18/9/2008, số khung EM 03GE10017, số máy 031484; xe ô tô tải ben, màu vàng hiệu Dongfeng-Trung Quốc, biển số 36M-6047, theo giấy đăng ký xe ô tô số 002790 do Công an Thanh Hóa cấp ngày 13/6/2008, số khung MDP083001242, số máy 002069896763; xe ô tô tải ben, màu vàng, hiệu Dongfeng-Trung Quốc, biển số 36M-6152 theo giấy đăng ký xe ô tô số 002789 do Công an Thanh Hóa cấp ngày 13/6/2008, số khung MDP383001249, số máy 002069897075 (Theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai từ vốn vay và vốn tự có số 002/HĐTC ngày 16/5/2008, phụ lục hợp đồng số 01 ngày 08/9/2008, phụ lục số 02 ngày 31/12/2008).

- Các tài sản gồm: Xe ô tô tải ben FAW, biển số 36M-9335, số khung XNN09AD50405, số máy 2L3201445232; máy ủi Komatsu D50A, biển số 36XA 0064, số khung D50S18-65250, số máy 4D130-1-12855; Lu rung Liugong CLG 614, biển số 36SA 0038, số khung 30X001809050, số máy D409010709; Lu rung Liugong CLG 614, biển số 36SA 0057, số khung 30X00180904, số máy B409010704; xe ô tô tải ben FAW, biển số 36N-2254, số khung AD16879, số máy G038862*; xe ô tô tải ben FAW, biển số 36N-2006, số khung AD09678, số

máy L678183*; máy ủi bánh xích hiệu Komatsu D50A-16, số khung D50S16-65968; 02 bộ dàn máy nghiền đá. (Theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai từ vốn vay và vốn tự có số 014/HĐTC ngày 11/5/2009, Phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai từ vốn vay và vốn tự có số 01/PLHĐTC-014/HĐTC ngày 01/3/2010, Phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐTC-014/HĐTC ngày 05/5/2010).

2. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty T đối với số tiền nợ là 16.026.315.700 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty T về quyền đòi nợ theo - Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 01/HDTCCQDN-PVFCTH-VVN ngày 16/01/2013.

4. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty T về quyền khai thác mỏ theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai từ vốn vay và vốn tự có số 071-2011/HĐTC/PVFCTH ngày 17/5/2011.

5. Giành quyền cho Công ty Cổ phần V khởi kiện trong vụ án khác về yêu cầu Công ty T bồi thường thiệt hại khi có đủ yêu cầu khởi kiện.

Ngoài ra án sơ thẩm còn quyết định án phí, nghĩa vụ thi hành án dân sự và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 29/01/2019 Công ty Cổ phần V có đơn kháng cáo do ông Nguyễn Xuân T, Tổng giám đốc ký với nội dung: Xem xét yêu cầu phản tố của Công ty V về yêu cầu bồi thường thiệt hại do nguyên đơn gây ra.

Tại phiên tòa phúc thẩm: Nguyên đơn không rút đơn khởi kiện, người kháng cáo không rút đơn kháng cáo, giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký Tòa án đã tuân thủ đầy đủ, đảm bảo trình tự, thủ tục từ khi thụ lý, quyết định đưa vụ án ra xét xử cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án; người tham gia tố tụng đã được thực hiện đầy đủ, đảm bảo đúng các quyền, nghĩa vụ tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần V, giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2019/KDTM-ST ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến tranh luận của các đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Đơn kháng cáo của bị đơn Công ty Cổ phần V trong hạn luật định, đã nộp tạm ứng án phí phúc thẩm nên chấp nhận xem xét vụ án theo thủ tục phúc thẩm.

[2] Xét kháng cáo của Công ty Cổ phần V: Yêu cầu xem xét khoản thiệt hại 37.879.920.000 đồng do nguyên đơn gây ra cho Công ty thấy rằng đây là yêu cầu phản tố của bị đơn Công ty V theo quy định tại khoản 1 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự. Theo bản tự khai ngày 24/7/2018, Công ty có nêu lên một số ý kiến về vấn đề số nợ gốc, cách tính lãi, việc thu giữ và bán tài sản của Ngân hàng đã gây thiệt hại cho Công ty nhưng không đưa ra con số thiệt hại là bao nhiêu. Do vậy Tòa án đã có Thông báo số 08/2018/TBTA ngày 08/8/2018 về việc làm đơn phản tố và cung cấp chứng cứ, ngày 09/8/2018 đã giao Thông báo số 08/2018/TBTA cho Công ty V, người trực tiếp nhận Thông báo là ông Nguyễn Xuân T, Tổng giám đốc. Nội dung Thông báo số 08/2018/TBTA yêu cầu Công ty V làm đơn phản tố, trình bày cụ thể các nội dung trên, nêu rõ số tiền yêu cầu bồi thường cụ thể, đồng thời Tòa án yêu cầu Công ty gửi các tài liệu chứng cứ trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được thông báo nhưng quá thời hạn trên, Công ty Vavina không làm đơn phản tố và không gửi các tài liệu chứng cứ cho Tòa án. Ngày 01/10/2018, Tòa án ra Thông báo số 210/TB-TA về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, ngày 04/10/2018 đã giao Thông báo số 210/TB-TA cho Công ty V, người nhận ông Nguyễn Xuân T, đại diện theo pháp luật của Công ty V. Ngày 15/10/2018, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải theo thời gian, địa điểm đã được ghi trong Thông báo số 210/TB-TA với sự có mặt của nguyên đơn, bị đơn và người đại diện theo ủy quyền của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án. Quá trình giải quyết vụ án đến trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Công ty V không thực hiện yêu cầu phản tố của mình và không có ý kiến làm các thủ tục theo yêu cầu Thông báo số 08/2018/TBTA ngày 08/8/2018 của Tòa án. Ngày 30/10/2018 Tòa án nhận được đơn đề nghị số 27VAVINA/DDN ngày 27/10/2018 và bản tự khai ngày 20/7/2018 của Công ty V, ngày 27/11/2018, Tòa án nhận được văn bản giải trình về bản tự khai của Công ty V cùng một số tài liệu chứng cứ. Theo khoản 3 Điều 200 Bộ luật Tố tụng dân sự quy định: *“Bị đơn có quyền đưa ra yêu cầu phản tố trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải”*. Như vậy, phía Công ty V chưa làm các thủ tục về yêu cầu phản tố theo quy định nên cấp sơ thẩm không xem xét trong vụ án này mà giành quyền khởi kiện cho Công ty V trong vụ án khác là có căn cứ, đúng với quy định của pháp luật. Tại cấp phúc thẩm Công ty V không đưa ra được tài liệu chứng minh cho kháng cáo về yêu cầu phản tố, do chưa thực hiện được là do trở ngại khách quan hoặc do

bất khả kháng, vì vậy không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[3] Về án phí: Kháng cáo không được chấp nhận nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp.

[4] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Điểm c khoản 1 Điều 24, khoản 1 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của Công ty Cổ phần V. Giữ nguyên Bản án kinh doanh thương mại sơ thẩm số 04/2019/KDTM-ST ngày 21 tháng 01 năm 2019 của Tòa án nhân dân thành phố Thanh Hóa.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 147, khoản 3 Điều 200, khoản 1 Điều 244, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 342, Điều 343, Điều 355, Điều 476 Bộ luật Dân sự năm 2005; Điều 91, Điều 95 Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 3 Nghị định 83/2010/NĐ-CP ngày 23/7/2010 và Điều 4 Nghị định 102/2017/NĐ-CP ngày 01/9/2017 của Chính phủ về đăng ký giao dịch bảo đảm.

1. Buộc Công ty Cổ phần V trả cho Công ty T khoản tiền vay còn nợ tính đến ngày xét xử sơ thẩm (21/01/2019) gồm: nợ gốc 13.093.107.314 đồng, nợ lãi 14.958.656.002 đồng (lãi trong hạn 2.254.340.000 đồng, lãi quá hạn 12.704.316.002 đồng). Tổng nợ gốc và lãi là 28.051.763.307 đồng (*Hai mươi tám tỷ, không trăm năm mươi một triệu, bảy trăm sáu mươi ba nghìn, ba trăm lẻ bảy đồng*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu Công ty Cổ phần V không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ khoản tiền nợ trên thì Công ty T có quyền làm đơn yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp theo quy định của pháp luật để đảm bảo thu hồi nợ là:

- Quyền sử dụng đất (67m²) tại thửa đất số 207, tờ bản đồ số 05 và tài sản gắn liền trên đất tại thị trấn V, huyện V, tỉnh Thanh Hóa, theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số T 700067 do Ủy ban nhân dân huyện V, tỉnh Thanh Hóa cấp ngày 31/12/2001 mang tên ông

Cao Văn B, theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền trên đất số 01/2012/HĐTC/PVFCTH ngày 01/10/2012.

- Các tài sản gồm: Máy đào bánh lốp, màu vàng hiệu Hyundai, biển số 36LA-0097, theo giấy đăng ký xe máy chuyên dùng số 025/08 do Sở GTVT Thanh Hóa cấp ngày 18/9/2008, số khung EM 03GE10017, số máy 031484; xe ô tô tải ben, màu vàng hiệu Dongfeng-Trung Quốc, biển số 36M-6047 theo giấy đăng ký xe ô tô số 002790 do Công an Thanh Hóa cấp ngày 13/6/2008, số khung MDP083001242, số máy 002069896763; xe ô tô tải ben, màu vàng, hiệu Dongfeng-Trung Quốc, biển số 36M-6152 theo giấy đăng ký xe ô tô số 002789 do Công an Thanh Hóa cấp ngày 13/6/2008, số khung MDP383001249, số máy 002069897075 (Theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai từ vốn vay và vốn tự có số 002/HĐTC ngày 16/5/2008, Phụ lục hợp đồng số 01 ngày 08/9/2008, Phụ lục số 02 ngày 31/12/2008).

- Các tài sản gồm: Xe ô tô tải ben FAW, biển số 36M-9335, số khung XNN09AD50405, số máy 2L3201445232; máy ủi Komatsu D50A, biển số 36XA 0064, số khung D50S18-65250, số máy 4D130-1-12855; Lu rung Liugong CLG 614, biển số 36SA 0038, số khung 30X001809050, số máy D409010709; Lu rung Liugong CLG 614, biển số 36SA 0057, số khung 30X00180904, số máy B409010704; xe ô tô tải ben FAW, biển số 36N-2254, số khung AD16879, số máy G038862*; xe ô tô tải ben FAW, biển số 36N-2006, số khung AD09678, số máy L678183*; máy ủi bánh xích hiệu Komatsu D50A-16, số khung D50S16-65968; 02 bộ dàn máy nghiền đá. (Theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai từ vốn vay và vốn tự có số 014/HĐTC ngày 11/5/2009, Phụ lục hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai từ vốn vay và vốn tự có số 01/PLHĐTC-014/HĐTC ngày 01/3/2010, Phụ lục hợp đồng số 02/PLHĐTC-014/HĐTC ngày 05/5/2010).

2. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty T đối với số tiền nợ là 16.026.315.700 đồng.

3. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty T về quyền đòi nợ theo - Hợp đồng thế chấp quyền đòi nợ số 01/HDTCCQDN-PVFCTH-VVN ngày 16/01/2013.

4. Không chấp nhận yêu cầu của Công ty T về quyền khai thác mỏ theo Hợp đồng thế chấp tài sản hình thành trong tương lai từ vốn vay và vốn tự có số 071-2011/HĐTC/PVFCTH ngày 17/5/2011.

5. Giành quyền cho Công ty cổ phần V khởi kiện trong vụ án khác về yêu cầu Công ty T bồi thường thiệt hại khi có đủ yêu cầu khởi kiện.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Về án phí: Buộc Công ty Cổ phần V chịu 2.000.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm những được trừ vào số tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/0006820 ngày 12/02/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Thanh Hóa.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thanh Hóa.
- TANDCC tại Hà Nội.
- VKSND thành phố Thanh Hóa.
- TAND thành phố Thanh Hóa.
- Chi cục THADS thành phố Thanh Hóa.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán-Chủ tọa phiên tòa
(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Thắng